

Số : 240 /2017/QĐST-HNGĐ

Huế, ngày 07 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 228/2017/TLST/HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2017, giữa người yêu cầu là:

-Anh Trần Văn T, sinh năm 1992. Địa chỉ : Tổ 2A, khu vực 1, phường K, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

-Chị Mai Thị Ngọc N, sinh năm 1994. Địa chỉ : Tổ 2A, khu vực 1, phường K, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2017.

XÉT THẤY :

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH :

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Trần Văn T và chị Mai Thị Ngọc N.

2. Sự thỏa thuận của các bên đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Anh Trần Văn T và chị Mai Thị Ngọc N công nhận vợ chồng có 01 con chung là: Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 18/3/2013. Hai bên thỏa thuận giao con chung là Trần Ngọc Bảo C cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng tiền nuôi con anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng là kể từ ngày quyết định có hiệu lực đến khi con tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T không thi hành đủ khoản tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất được

quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2.2 Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Văn T và chị Mai Thị Ngọc N công nhận vợ chồng không có tài sản chung và xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về lệ phí giải quyết việc dân sự : là 300.000 đồng, anh Trần Văn T và chị Mai Thị Ngọc N mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Anh T và chị N đã nộp tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng theo biên lai số 002824 ngày 19/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế nay được khấu trừ, khỏi phải nộp nữa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thành phố Huế;
- UBND phường K- Huế;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Mai Văn Phú